TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:119/2024/HNGĐ-ST Ngày 04-7-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, xác định cha cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: ông Phùng Thế Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, nơi đăng ký thường trú: huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng, nơi ở: quận cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Thôn 1, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tân C, nơi cư trú: thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Thanh, huyện Thuỷ Nguyên năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan Anh, sinh ngày 27-02-2006, Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25-03-2008. Cháu Lan Anh hiện nay đã trưởng thành nên chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn chị M nhận nuôi cháu Đạt, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trong thời gian sống ly thân chị M có quen biết với anh Nguyễn Tân C và phát sinh quan hệ tình cảm. Ngày 07-10-2021 chị M sinh được 01 cháu gái theo giấy chứng sinh số 12809 do Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh cấp. Chị M xác định đây là con đẻ của anh Nguyễn Tân C nên đề nghị Toà án xác định anh Nguyễn Tân C là cha đẻ cháu bé.

Bị đơn anh T trình bày: Đồng ý với điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày, vợ chồng mâu thuẫn đã lâu không có khả năng đoàn tụ nên anh T đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung như chị M trình bày, cháu Lan Anh đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con chung là Nguyễn Tiến Đạt, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung. Đối với cháu bé do chị M sinh ra ngày 07-10-2021, anh T xác định đây không phải là con đẻ của anh T nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu xác định cha cho con của chị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tân C trình bày: Năm 2019 anh C và chị M có quen biết nhau và phát sinh quan hệ tình cảm, tại thời điểm này anh C biết chị M và anh T đang sống ly thân, chưa làm thủ tục ly hôn. Ngày 07-10-2021, chị M sinh được 01 cháu gái. Anh C xác định cháu bé là con đẻ của anh nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M, đề nghị Toà án xác định anh là cha đẻ của cháu bé do chị M sinh ngày 07-10-2021.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao con chung Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25-03-2008 cho chị M nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Căn cứ các điều 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xác định anh Nguyễn Tân C là cha đẻ của cháu bé chị M sinh ra ngày 07-10-2021. Chị M, anh C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng

Thanh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 2004, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị M và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Anh T và chị M xác định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan Anh, sinh ngày 27-02-2006 hiện nay đã trưởng thành nên chị M, anh T không không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị M và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25-03-2008. Nguyện vọng nuôi con chung của anh T, chị M đều chính đáng, Tuy nhiên xét thấy hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại giam Xuân Nguyên, cháu T có nguyện vọng được ở với chị M nên để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục con chung cần giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về xác định cha cho con: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh T và chị M sống ly thân từ lâu và không có mối quan hệ tình cảm. Trong thời gian sống ly thân chị M có quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Tân C. Ngày 07 tháng 10 năm 2021, và chị M sinh được 01 cháu gái theo giấy chứng sinh số số 12809 do Bệnh viện sản nhi Quảng Ninh cấp ngày 11-10-2021. Tại kết luận giám định số 1821/KL-KTHS ngày 08-6-2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Anh Nguyễn Tân C và cháu bé do chị M sinh ngày 07-10-2021 có quan hệ huyết thống trực hệ bố-con (độ tin cậy Pi >99,99%). Như vậy có đủ căn cứ xác định cháu bé có do chị Đỗ Thị M sinh ra ngày 07-10-2021 là con đẻ của anh Nguyễn Tân C. Căn cứ Điều 89, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị M.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Tân C phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu xác định cha cho con của chị M.

[8] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81; 82, 83, 89, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 25-03-2008 cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về xác định cha cho con: Xác định anh Nguyễn Tân C là cha đẻ của cháu cháu bé do chị Đỗ Thị M sinh ra ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo giấy chứng sinh số 12809 do Bệnh viện sản nhi Quảng Ninh cấp ngày 11 tháng 10 năm 2021.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tân C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009891 ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh (số 43/2004);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị M